

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND  
V/v tiếp nhận hoá chất để  
phòng, chống dịch bệnh động  
vật và thực hiện Tháng vệ sinh,  
khử trùng môi trường chăn  
nuôi đợt 02 năm 2025

Trà Giang, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm cung ứng Dịch vụ công xã;
- Các Trưởng thôn trên địa bàn xã.

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-SNNMT ngày 11/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi phân bổ hóa chất để phòng, chống dịch bệnh động vật và thực hiện Tháng vệ sinh, khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chủ tịch UBND xã Trà Giang có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Trung tâm cung ứng Dịch vụ công xã:

- Liên hệ với Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh để tiếp nhận hoá chất phòng, chống dịch bệnh động vật và thực hiện Tháng vệ sinh, khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02/2025, như sau:

| TT | Tên hoá chất                                                    | Đvt | Số lượng   | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------|-----|------------|---------|
| 1  | Hóa chất thực hiện công tác chống dịch RTDTC 01 PLUS            | Lít | 50         |         |
| 2  | Hóa chất thực hiện tháng vệ sinh TĐKT đợt 02.2025 RTDTC 01 PLUS | Lít | 120        |         |
|    | <b>Tổng cộng:</b>                                               |     | <b>170</b> |         |

**(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lít)**

- Bảo quản, sử dụng hoá chất đúng mục đích, đúng quy trình kỹ thuật và lập đầy đủ thủ tục quyết toán theo hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với các thôn xây dựng kế hoạch thực hiện Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02/2025, gửi về UBND xã (qua phòng Kinh tế) trước **ngày 18/8/2025**.

- Chuẩn bị nhân lực, vật lực, trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02/2025, hoàn thành trước

**ngày 12/9/2025.**

**2. Các Trưởng thôn:**

- Thống kê số cơ sở chăn nuôi, điểm thu gom buôn bán gia súc, gia cầm, chợ có kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống, bãi chăn thả, khu vực công cộng cần khử trùng trên địa bàn quản lý. Thống kê gửi về Phòng Kinh tế, Trung tâm cung ứng dịch vụ công trước **ngày 16/8/2025** (Có mẫu báo cáo đính kèm).

- Chuẩn bị nhân công, trang thiết bị (bình bơm) để thực hiện Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02/2025 theo kế hoạch ban hành.

**3. Phòng Kinh tế:**

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm cung ứng dịch vụ công, các Trưởng thôn tham mưu UBND xã Kế hoạch Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02/2025 trên địa bàn xã trước **ngày 20/8/2025**.

- Triển khai thực hiện và hoàn thành gửi báo cáo cho cơ quan cấp tỉnh trước **ngày 12/9/2025**.

- Kiểm tra, giám sát công tác tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02 năm 2025 tại các thôn.

- Tham mưu UBND xã nguồn kinh phí thực hiện Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 02 năm 2025 theo quy định.

Yêu cầu Phòng Kinh tế, Trung tâm cung ứng Dịch vụ công, các Trưởng thôn trên địa bàn xã khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chi cục CN và TY tỉnh (p/h);
- CT, các PCT UBND xã;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Sinh Quân**

**Phục lục**

**Báo cáo thống kê cơ sở chăn nuôi, điểm thu gom buôn bán gia súc, gia cầm, chợ có kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tươi sống, bãi chăn thả, khu vực công cộng cần khử trùng trên địa bàn thôn .....**

(Ban hành kèm theo Công văn số:            /UBND ngày        /8/2025 của UBND xã Trà Giang)

**1. Thống kê diện tích tiêu độc khử trùng:**

| TT | Khoản mục                     | Đvt     | Số lượng | Ước diện tích TĐKT (m2) |
|----|-------------------------------|---------|----------|-------------------------|
| 1  | Tổng số cơ sở chăn nuôi       | Cơ sở   |          |                         |
| 2  | Điểm thu gom buôn bán gia súc | Điểm    |          |                         |
| 3  | Chợ                           | Cái     |          |                         |
| 4  | Bãi chăn thả                  | Bãi     |          |                         |
| 5  | Khu vực công cộng             | Khu vực |          |                         |
|    | <b>Tổng cộng:</b>             |         |          |                         |

**\* Ghi chú:** Diện tích cơ sở chăn nuôi = số lượng x 40m<sup>2</sup>

**2. Đề xuất số công lao động thực hiện:**

- Số công thực hiện: .....
- Số ngày hoàn thành: .....

**Người lập**

**Trưởng thôn .....**